

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **60/2022/HS - ST**
Ngày: 31/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoài**

Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông Phạm Thế Ngọc – Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.
2. Bà Bùi Thị Mai – Nghề nghiệp: Cán bộ Hội phụ nữ xã Thanh Liệt

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thùy Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội**

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2022/HS-ST ngày 11/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST - HS ngày 17/5/2022 đối với bị cáo:

Vũ Văn T, sinh ngày 02/7/2005 (*khi phạm tội 16 tuổi 6 tháng 7 ngày*); HKTT: Tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố số 2, Xóm Đ, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình C và bà Vũ Thị M; Tiền án, tiền sự: Không (Danh chỉ bản số 137 do Công an huyện Thanh Trì lập ngày 21/3/2022). Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Bà Vũ Thị Mai – Sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố số 2, Xóm Đ, Phường Đ, quận N, Hà Nội (là mẹ đẻ bị cáo) – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Hồng H - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh TGPL số 3 – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội – có mặt.

- ***Người bị hại:*** Bà Lê Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Xóm Đm, xã H, huyện Thanh Trì, Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/01/2022, Vũ Văn T đi bộ từ nhà ở Tổ dân phố 2, Xóm Đ, phường Đ, quận N, Hà Nội đến khu vực xã H, huyện Thanh Trì, Hà Nội với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến cửa hàng thịt chó của bà Lê Thị L ở Xóm Đ, xã H thì T phát hiện trong cửa hàng không có người trông coi, trên bàn bán hàng có 01 tủ kính bên trong có 01 chiếc túi xách màu đen có quai đeo chéo. T đi vào bên trong, lấy chiếc túi và giấu vào trong người rồi dùng áo khoác che lại. T vừa đi vừa mở túi xách ra kiểm tra thì thấy trong túi có tiền. T đi được khoảng 100m thì bị bà Lan phát hiện, đuổi theo tóm được áo T. T liền vứt túi xách xuống đất và bỏ chạy nhưng bị bà Lan và quần chúng nhân dân bắt giữ. Cơ quan công an xã H – huyện Thanh Trì đã lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ chiếc túi xách, kiểm tra bên trong có 6.020.000 đồng gồm: 06 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; 02 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng; 16 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng, 16 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng, 04 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng, 13 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng, 02 tờ tiền polime mệnh giá 5.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KL – HĐĐGTS ngày 12/3/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Trì đã kết luận túi đeo chéo màu đen, kích thước 15x25 trị giá 70.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của chị Lê Thị L là 6.090.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra:

- Bị cáo Vũ Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.
- Bà Lê Thị L đã được cơ quan điều tra trao trả 01 túi đeo chéo màu đen và 6.020.000 đồng. Bà Lan đã nhận đủ tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Bản cáo trạng số 53/CT - VKSTT ngày 04/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì đã truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo Vũ Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bà Vũ Thị M - người đại diện hợp pháp của bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên đã thiếu sự quan tâm, quản lý, giáo dục đối với bị cáo.

* Người bị hại là bà Lê Thị L đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự. Bà L đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 91, điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Bị cáo từ 6-10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách từ 12 – 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xét.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Ông Vũ Hồng H – bào chữa cho bị cáo lập luận: Việc truy tố và xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, Bị cáo phạm tội ở độ tuổi vị thành niên nên còn có hạn chế về nhận thức pháp luật. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án - có đủ cơ sở xác định: Ngày 09/01/2022 tại Xóm Đ, xã H, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Vũ Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Lê Thị L 01 túi xách màu đen (giá trị 70.000đồng) bên trong có số tiền 6.020.000đồng. Tổng cộng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 6.090.000đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáomới có tác dụng cải tạo bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm 1, khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội ở độ tuổi vị thành niên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình bị cáo xác nhận nghĩa vụ quản lý, giáo dục bị cáo và việc cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội ở độ tuổi vị thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự và vấn đề khác trong vụ án:

- Người bị hại là bà Lê Thị Lũ nhận lại số tiền 6.020.000đồng và chiếc túi xách. Bà L không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 91, điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T **06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **12 (mười hai) tháng** kể từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo được hưởng án treo mà thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án treo đã được hưởng.

3. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo, bà Vũ Thị M (người đại diện của bị cáo), người bào chữa cho bị cáo và người bị hại (bà Lê Thị L) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Công an huyện Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Cơ sở giam giữ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H. Thanh Trì, Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Thanh Trì, Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người bị hại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài